Chi tiết mã HS 0505.10.10

Mã HS	0505.10.10
Mô tả hàng hóa	Da và các bộ phận khác của loài chim và gia cầm, có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ và các phần của lông vũ (đã hoặc chưa cắt tỉa) và lông tơ, mới chỉ được làm sạch, khử trùng hoặc xử lý để bảo quản; bột và phế liệu từ lông vũ hoặc các phần của lông vũ / - Lông vũ dùng để nhồi; lông tơ: / - - Lông vũ của vịt, ngan
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	11/11/2026 18:02:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/05051010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K942
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N942
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q942
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E928
ATIGA	2022	2022	0	AT!E929
ATIGA	2023	2023	0	AT!F929
ATIGA	2024	2024	0	AT!G929
ATIGA	2025	2025	0	AT!H929
ATIGA	2026	2026	0	AT!I929
ATIGA	2027	2027	0	AT!J929
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E931
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F931
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G931
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H931

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I931
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J931
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E933
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F933
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G933
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H933
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I933
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J933
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F935
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H930
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F931
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G931
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H931
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I931
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J931
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K931
VKFTA	2022	2022	0	VK!E929
VKFTA	2023	2023	0	VK!F929
VKFTA	2024	2024	0	VK!G929
VKFTA	2025	2025	0	VK!H929
VKFTA	2026	2026	0	VK!I929
VKFTA	2027	2027	0	VK!J929
VCFTA	2022	2022	0	VC!D940
VCFTA	2023	2023	0	VC!E940
VCFTA	2024	2024	0	VC!F940
VCFTA	2025	2025	0	VC!G940

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H940
VCFTA	2027	2027	0	VC!I940
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D937
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E937
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F937
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G937
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H937
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I937
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D186
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E186
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D946
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E946
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F946
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G946
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H946
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I946
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D930
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E930
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F930
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G930
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H930
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I930
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D932
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E932
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F932
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G932

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H932
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I932
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D930
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E930
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F930
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G930
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H930
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I930
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J930
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D933
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E933
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F933
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G933
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H933
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I933
RCEP B	2022	2022	0	B!D933
RCEP B	2023	2023	0	B!E933
RCEP B	2024	2024	0	B!F933
RCEP B	2025	2025	0	B!G933
RCEP B	2026	2026	0	B!H933
RCEP B	2027	2027	0	B!I933
RCEP C	2022	2022	0	C!D933
RCEP C	2023	2023	0	C!E933
RCEP C	2024	2024	0	C!F933
RCEP C	2025	2025	0	C!G933
RCEP C	2026	2026	0	C!H933

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I933
RCEP D	2022	2022	0	D!D933
RCEP D	2023	2023	0	D!E933
RCEP D	2024	2024	0	D!F933
RCEP D	2025	2025	0	D!G933
RCEP D	2026	2026	0	D!H933
RCEP D	2027	2027	0	D!I933
RCEP E	2022	2022	0	E!D933
RCEP E	2023	2023	0	E!E933
RCEP E	2024	2024	0	E!F933
RCEP E	2025	2025	0	E!G933
RCEP E	2026	2026	0	E!H933
RCEP E	2027	2027	0	E!I933
RCEP F	2022	2022	0	F!D933
RCEP F	2023	2023	0	F!E933
RCEP F	2024	2024	0	F!F933
RCEP F	2025	2025	0	F!G933
RCEP F	2026	2026	0	F!H933
RCEP F	2027	2027	0	F!I933
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F905
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G905
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H905
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I905

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0505.10 có 2 dòng thuế; dòng 0505.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Lông vũ của vịt, ngan.	0505.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0505.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 0505.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N942), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật trên cạn phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M1)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.